**Tiết:60,61**

**ĐỘC TIỂU THANH KÍ**

**(Đọc truyện về nàng Tiểu Thanh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

- Nắm kiến thức về một vấn đề được các nhà thơ Việt Nam thế kỉ XVIII quan tâm số phận của những người phụ nữ tài sắc, bất hạnh.

- Hiểu được sự đồng cảm của Nguyễn Du với số phận nàng Tiểu Thanh có tài văn chương mà bất hạnh.

- Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung: + Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

- Năng lực riêng: + Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày

+ Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học

+ Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống…

**3. Phẩm chất**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

1. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không kiểm tra

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu**:

* HS có hứng thú đối với bài học.
* HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

1. **Nội dung hoạt động:** Trò chơi “**Ô chữ bí mật”**
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
3. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Có 8 câu hỏi hàng ngang, mỗi đội được lựa chọn 2 lượt câu hỏi. Mỗi đáp án là một gợi ý, xâu chuỗi các đáp án sẽ tìm ra TỪ KHÓA

*Câu 1. Hai nội dung lớn xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của VHVN là yêu nước và nội dung nào?*

*Câu 2. Hai câu thơ sau đây nằm trong tác phẩm nào?*

*‘‘ Đau đớn thay phận đàn bà*

*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”*

*Câu 3. Đây là một trong những đối tượng được văn học trung đại Việt Nam đặc biệt quan tâm?*

*Câu 4. Đây là thế kỷ của những cuộc nội chiến phong kiến và khởi nghĩa nông dân?*

*Câu 5. Năm 1010. Lý Công Uẩn viết chiếu dời đô, chuyển kinh đô từ Hoa Lư về đâu?*

*Câu 6. Loại văn tự ra đời vào thế kỷ XIII, được sáng tạo trên cơ sở chữ Hán?*

*Câu 7. Đây là một thể thê có nguồn gốc từ Trung Quốc được các tác giả văn học trung đại tiếp thu?*

*Câu 8. “ Bao giờ Hồng Lĩnh hết cây*

*Sông Lam hết nước thì đó với đây mới hết tình”*

*Những địa danh trong câu ví dặm trên thuộc tỉnh nào của nước ta?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**\*GV dẫn vào bài mới**

*Nhắc đến ND người đọc bao thế hệ thường liên tưởng đến thiên Truyện Kiều nổi tiếng. Vì ở tác phẩm đó, người đọc không chỉ nhận ra tấm lòng đồng cảm, xót thương cho số phận bất hạnh của con người tài hoa mệnh bạc, mà còn là tiếng nói tố cáo xã hội phong kiến bất công . Chủ nghĩa nhân đạo như một sợi chỉ đỏ xuyên xuốt trong các sáng tác của ND, không chỉ trong thơ chữ Nôm mà cả trong thơ chữ Hán. Không chỉ thương xót cho số phận bất hạnh của người phụ nữ VN, mà tấm lòng ấy của nhà thơ còn vượt qua thời gian và không gian để xót thương cho nàng TT- người con gái có tài, có sắc sống vào khoảng đầu đời Minh - TQ....*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát**

**Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

1. **Mục tiêu:** Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học (đề tài, tác phẩm tiêu biểu, phong cách nghệ thuật), vị trí và tầm ảnh hưởng.
2. **Nội dung hoạt động**: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.
3. **Sản phẩm**: Thuyết trình của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV chia HS thành 2 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:  **Nhóm 1:** Em hãy nêu những hiểu biết của mình về tác giả Nguyễn Du, nàng Tiểu Thanh.  **Nhóm 2:** Nêu những nét khái quát về tác phẩm “Độc Tiểu Thanh kí” (Thể thơ, bố cục, hoàn cảnh sáng tác, nhan đề).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh hoạt động theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * HS trả lời câu hỏi. * Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1Xuất xứ và hoàn cảnh ra đời***  - Bài thơ nằm trong tập “*Thanh Hiên thi tập*” là cảm hứng của Nguyễn Du nhân đọc “Tiểu Thanh kí”- một tập kí viết về nàng Tiểu Thanh hoặc tập thơ của nàng (Theo Trương Chính).  - Bài thơ nằm trong tập “Bắc hành tạp lục”, sáng tác khi Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc đến viếng mộ Tiểu Thanh (Theo Đào Duy Anh).  ***2. Đối tượng trữ tình:***  - Tiểu Thanh: Là một người con gái có tài, sắc sống đầu đời Minh (Trung Quốc), làm lẽ, bị vợ cả ghen, bắt ở một ngôi nhà trên núi. Vì đau buồn, cô sinh bệnh rồi chết ở tuổi 18.  - Tâm trạng uất ức của nàng được gửi gắm vào những bài thơ do nàng sáng tác nhưng đã bị vợ cả đốt. Những bài thơ còn sót lại được người đời tập hợp lại gọi là Phần dư  **3. Nhân vật trữ tình:** Chủ thể trữ tình - tác giả bài thơ đọc tập kí kể về cuộc đời Tiểu Thanh ở bên cửa sổ. Từ đó, cảm nghĩ về cuộc đời, số phận nàng Tiểu Thanh, về “nỗi hờn kim cổ” và nghĩ về mình 300 năm sau.  4. **Cảm hứng chủ đạo:** Thương xót cho số phận bất hạnh của những người phụ nữ tài sắc; Sự đau đớn, xót xa, tiếc nuối khi phải chứng kiến những giá trị tinh thần cao đẹp của con người bị vùi dập.  **5. Nhan đề “*Độc Tiểu Thanh kí*”:** có hai cách hiểu:  + “Tiểu Thanh kí” có thể là tên một tập thơ của nàng Tiểu Thanh. “Độc Tiểu Thanh kí” => Đọc tập thơ của nàng Tiểu Thanh.  + “Tiểu Thanh kí”: có thể là câu chuyện về nàng Tiểu Thanh. Rất có thể, Nguyễn Du đã đọc truyện về nàng Tiểu Thanh và viết nên bài thơ này.  **6. Thể thơ**: thất ngôn bát cú Đường luật  **7. Bố cục**: đề, thực, luận, kết.  **8. So sánh nguyên tác với bản dịch** |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a) Mục tiêu:** Học sinh hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Hoạt động nhóm**  **Chia lớp thành 4 nhóm**  **Nhóm 1**. Trong hai câu đề, sự thay đổi của cảnh vật Tây Hồ gợi cho em những suy nghĩ gì? Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong câu thơ thứ hai?  **Nhóm 2**. Nỗi oan trái của cuộc đời nàng Tiểu Thanh biểu hiện qua những chi tiết, hình ảnh nào trong hai câu thực? Phân tích hiệu quả của nghệ thuật tu từ đối trong hai câu thơ trên.  **Nhóm 3**. Nhà thơ đã có những cảm xúc và suy ngẫm gì trong hai câu luận?  **Nhóm 4.** Nhận xét của em về nỗi băn khoăn trăn trở và tâm trạng của Nguyễn Du được gửi gắm qua hai câu thơ kết.  **Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * HS đại diện nhóm trình bày. * Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  ***1. Hai câu đề:***  *- Tây Hồ hoa uyển tận thành khư*  (*Tây hồ cảnh đẹp hoá gò hoang*)  - Từ ngữ đối lập: Cảnh đẹp >< Gò hoang  -> **Quy luật biến thiên dâu bể của cuộc đời.**  - Câu thơ thứ hai: Độc điếu song tiền nhất chỉ thư  + Từ ngữ: Độc điếu: một mình viếng thương-> Sự cô đơn của tác giả. Người chết - người đi viếng hai tâm hồn cô đơn vượt qua thời gian để gặp gỡ.  + Số từ “ độc”- một mình, “nhất” – một: Sự cô đơn, nhỏ bé đến tội nghiệp của kiếp người trước sự tàn phá của thời gian vô tận.  🡪 Hai câu thơ đầu gợi lẽ biến thiên dâu bể của cuộc đời. Qua đó, thể hiện nỗi tiếc nuối xót xa và sự đồng cảm của Nguyễn Du dành cho Tiểu Thanh.  ***2. Hai câu thực:***  - Hình tượng thơ:  + Chi phấn (Son phấn) -> sắc đẹp, vẻ đẹp.  + Văn chương: -> trí tuệ, tài hoa  Chi phấn và văn chương là hình ảnh hoán dụ cho sắc đẹp và tài năng của nàng Tiểu Thanh.  - Biện pháp đối:  + Vế đầu của mỗi câu có biểu hiện đối lập (tương phản): son phấn thì có linh hồn, văn chương thì không có thân mệnh.  + Vế sau có xu hướng thống nhất (tương thành): cả son phấn và văn chương đều phải chịu số phận oan khiên.  Sự khái quát hoá sâu sắc về số phận của cái đẹp nói chung.  **=> Hai câu thực thể hiện nỗi day dứt xót thương của tác giả trước cái tài, cái đẹp bị chà đạp phũ phàng. Cài tài cái đẹp cũng có linh hồn, tâm trạng khiến người đời lưu luyến, xót xa.**  ***3. Hai câu luận:***  - “Cổ kim hận sự”: Những mối hận của người xưa và người nay: mang tính phổ quát, tồn tại dài lâu, nhức nhối.  - “thiên nan vấn” – khó hỏi trời được. Trời cũng không thể giải đáp được câu hỏi: hồng nhan đa truân, tài tử đa cùng.  - Phong vận kì oan: nỗi oan kì lạ của những người tài hoa.  - ngã tự cư: ta tự mang->cái tôi trực tiếp hiện diện: trông người mà ngẫm đến ta.  => Từ số phận của Tiểu Thanh, Nguyễn Du bày tỏ sự bế tắc, bất lực trước quy luật nghiệt ngã “tài mệnh tương đố”. Ông tự nhận mình cùng hội cùng thuyền với những người tài hoa bạc mệnh.  ⇒ **Uất ức, bất lực trước quy luật nghiệt ngã khó lí giải “tài mệnh tương đố”, hồng nhan bạc mệnh**  ***4. Hai câu kết:***  - Số từ: ba trăm năm lẻ nữa -> thời gian ước lệ, chỉ tương lai xa xôi, cũng là khoảng cách thời gian quá khứ giữa tác giả và Tiểu Thanh: hướng về quá khứ và tương lai để tìm kiếm sự đồng cảm, chia sẻ, tri âm.  - Cách xưng hô: Tố Như – tư cách một nhà thơ, một nghệ sĩ, một cái tôi cá nhân ->Ý thức về nhân phẩm, về tài năng, ý thức về nỗi đau của chính mình  - Câu hỏi tu từ: nỗi băn khoăn khao khát của Nguyễn Du: khao khát tri âm tri kỉ giữa cuộc đời.  **=> Nỗi cô đơn của nhà thơ vì chưa tìm được tri âm tri kỉ giữa cuộc đời. Nguyễn Du chỉ biết gửi niềm hi vọng ấy vào hậu thế.** |

**\* Tổng kết**

**a) Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Độc Tiểu Thanh kí”,  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động cá nhân:  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * HS trả lời câu hỏi. * Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung:***  - Mạch vận động của cảm xúc (tứ thơ): Đọc truyện ⭢ xót xa, thương tiếc cho nàng Tiểu Thanh tài sắc mà bạc mệnh⭢ suy nghĩ, tri âm với số phận những người tài hoa, tài tử ⭢ tự thương cho số phận tương lai của mình, khao khát tri âm.  - Giá trị nhân đạo sâu sắc:  + Nguyễn Du xót xa, thương cảm cho Tiểu Thanh- một hồng nhan bạc mệnh, một tài năng thi ca đoản mệnh, cho những kiếp hồng nhan đa truân, tài tử đa cùng nói chung.  + Với cảm hứng tự thương và sự tri âm sâu sắc, ông đã đặt vấn đề: quyền sống của người nghệ sĩ, sự cần thiết phải tôn vinh, trân trọng những người làm nên các giá trị văn hóa tinh thần.  ***2. Nghệ thuật:***  - Ngôn ngữ: trữ tình đậm chất triết lí.  - Sử dụng tài tình phép đối và khả năng thống nhất những hình ảnh đối lập trong hình ảnh, ngôn từ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Luyện tập củng cố nội dung bài học

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi:

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:

**Câu 1: Miêu tả cảnh Tây Hồ từ đẹp hóa gò hoang, Nguyễn Du muốn nói lên điều gì?**

A. Cái đẹp bị tàn phá

B. Sự thay đổi của thời gian

C. Sự biến thiên của cuộc đời

D. Cả 3 phương án trên

**Câu 2: Hình ảnh nào gợi tài sắc của Tiểu Thanh?**

A. Hoa uyển

B. Chi phấn, văn chương

C. Lụy phần dư

D. Nhất chỉ thư

**Câu 3: Vì sao Nguyễn Du thương Tiểu Thanh?**

A. Vì Tiểu Thanh nghèo khổ

B. Vì Tiểu Thanh bị áp bức, bóc lột

C. Vì Tiểu Thanh có tài sắc nhưng bất hạnh.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* Học sinh trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**

* Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu**:

* Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để vận dụng vào thực tiễn đời sống
* Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để phát triển năng lực của bản thân.

1. **Nội dung**: Giáo viên đặt câu hỏi vận dụng
2. **Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh.
3. **Tổ chức thực hiện**:

***Nhiệm vụ 1(làm tại lớp): Từ câu chuyện cuộc đời Tiểu Thanh và những kiếp tài sắc bạc mệnh, đa cùng, em suy nghĩ gì về những người phụ nữ tài sắc trong xã hội hiện nay?***

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS kể tên một số người phụ nữ tài sắc trong xã hội hiện nay

- GV yêu cầu HS nêu ý kiến cá nhân.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

* HS thực hiện nhiệm vụ theo bàn
* **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**
* HS mỗi bàn cử đại diện trình bày câu trả lời
* HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của nhóm bạn

**Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện**

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm, tuyên dương, bổ sung cho các nhóm.

***Nhiệm vụ 2 (làm ở nhà): Tìm những tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ văn học trung đại thể hiện tiếng nói cảm thương cho người phụ nữ. So sánh tiếng nói nhân đạo của Nguyễn Du trong “Độc Tiểu Thanh kí” với các tác giả ấy?***

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS kể tên một số tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ văn học trung đại thể hiện tiếng nói cảm thương cho người phụ nữ

- GV yêu cầu HS so sánh, thuyết trình.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

* HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

* HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.
* HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của nhóm bạn.

**Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện**

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm, tuyên dương, bổ sung cho các nhóm

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Mức độ** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Liệt kê các tác phẩm nhưng chưa thật chính xác |  |  |
| **2** | Liệt kê đúng các tác phẩm, nhưng chưa so sánh được |  |  |
| **3** | Liệt kê đúng các tác phẩm, nhưng so sánh còn sơ sài. |  |  |
| **4** | Liệt kê đúng các tác phẩm, so sánh đầy đủ, chính xác |  |  |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

* Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
* Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài.
* Chuẩn bị bài tiếp theo

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết 62**

**BIỆN PHÁP TU TỪ LẶP CẤU TRÚC, BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- HS nhận biết được các hình thức của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối

**-** Hiểu được đặc điểm và chức năng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học

**2. Về năng lực:**

**-** Học sinh phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ trên trong ngữ cảnh. Từ đó, rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ, hỗ trợ các hoạt động đọc, viết

- Học sinh biết vận dụng kiến thức về biện pháp lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của các tác giả trong các văn bản đọc.

**3. Về phẩm chất**:

Có thói quen sử dụng từ ngữ trong giao tiếp đúng mục đích để nâng cao giá trị và hiệu quả nghệ thuật

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Giấy A0, bút dạ, máy chiếu, Mini game

**2. Học liệu:** SGK, KHBD, PHT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:** GV trình chiếu Mini Game **“ RUNG CHUÔNG VÀNG”** – Thử tài hiểu biết về các biện pháp tu từ trong Tiếng Việt phân loại theo nhóm cấp độ đơn vị TV: Ngữ âm – Từ vựng – Cú pháp

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS tham gia Mini game  **B3. Tổ chức mini game – Thư kí ghi điểm, tổng kết**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới – Thực hành TV – ***Biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối*** | - HS hiểu về các biện pháp tu từ trong TV  - Phân biệt giữa các nhóm Bptt Ngữ âm – Từ vựng – Cú pháp  - Bptt lặp cấu trúc và đối là Bptt cú pháp |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS nhận diện và hiểu được đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp và biện pháp tu từ đối

**b. Nội dung:** Tìm hiểu qua ngữ liệu trong SGK và ngữ liệu tham khảo ngoài SGK

**c. Sản phẩm:** HS chuẩn bị PHT ở nhà và trình bày trên lớp theo nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NHẬN BIẾT VỀ BIỆN PHÁP TU TỪ LẶP CẤU TRÚC, BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI** | | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ: PHT số 1 (**HS thực hiện theo yêu cầu trên phiếu học tập số 1đã chuẩn bị trước ở nhà )  **B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hoạt động nhóm:**  **- Nhóm 1, 2:** *HS đọc phần kiến thức nhận biết về biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK về phép tu từ này*  **- Nhóm 3,4:** *HS đọc phần kiến thức nhận biết về biện pháp tu từ đối trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK về phép tu từ này*  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS báo cáo theo nhóm ( đại diện nhóm trình bày)  - GV quan sát, hỗ trợ  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của các nhóm, củng cố và chốt kiến thức cần nắm | **1. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp**  **-** Là biện pháp lặp đi lặp lại một cấu trúc cú pháp, trong đó có láy đi láy lại một số từ ngữ nhất định và cùng diễn đạt một nội dung chủ đề  - Biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp là cách vận dụng sáng tạo những quy tắc kết hợp các thành phần trong câu và cách sắp xếp đặt câu nhằm biểu đạt tư tưởng, nhận thức, tình cảm có hiệu quả cao hơn, lời văn hay hơn đẹp hơn.  **\*Ví dụ 1 :** - *Quân đội ta chung với nước, hiếu với dân; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. (HCM)*  **\* Ví dụ 2:** *- Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ*  *Người khôn người đến chốn lao xao*  (Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nhàn)  => Biện pháp tu từ lặp cấu trúc được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, **nhất là trong thơ**. Biện pháp tu từ này tạo nên ấn tượng đặc biệt về nhịp điệu của đoạn thơ, đoạn văn và làm nổi bật nội dung mà tác giả muốn nhấn mạnh. Phép lặp cú pháp thường có sự phối hợp với phép điệp từ và phép đối  **2. Biện pháp tu từ đối**  - Là cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, các thành phần câu, vế câu song song, cân đối trong lời nói nhằm tạo hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, gợi liên tưởng, gợi hình ảnh sinh động, tạo nhịp điệu cho lời nói  - Biện pháp tu từ đối đượcđược sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, có tác dụng tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa cho lười thơ, câu văn  \*Ví dụ 1 : - Đối trong một cụm từ hoặc đối giữa 2 vế câu hoặc đối trong một cặp câu – SGK tr21  \*Ví dụ 2: *Son phấn có thần chôn vẫn hận*  *Văn chương vô mệnh đốt còn vương*  ĐTTK – Nguyễn Du  => Đối tương hỗ, bổ sung ý cho nhau |

***PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1*:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***NHIỆM VỤ*** | ***NỘI DUNG TÌM HIỂU*** | ***NỘI DUNG TRẢ LỜI*** | ***TRÌNH BÀY SẢN PHẨM TRÊN LỚP*** |
|  | ***HS đọc phần kiến thức nhận biết tác dụng về biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK và nhận xét về đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ này*** | ***HS nhận biết và tìm hiểu, nhận xét*** |  |
|  | ***HS đọc phần kiến thức nhận biết tác dụng về biện pháp tu từ đối trong SGK tr 20 và tìm thêm 2 ví dụ ngoài SGK và nhận xét về đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ này*** | ***HS nhận biết và tìm hiểu, nhận xét*** |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu: Nhận diện và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ Lặp cấu trúc cú pháp và biện pháp tư từ đối**

**b. Nội dung: Thực hành luyện tập Bài tập 1, 2 – SGK tr 20, 21**

**c. Sản phẩm: HS làm việc độc lập**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**3.1. NHẬN BIẾT VÀ PHÂN TÍCH TÁC DỤNG CỦA BIỆN PHÁP TU TỪ LẶP CẤU TRÚC CÚ PHÁP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS thực hiện theo yêu cầu trong SGK – BT 1 tr20  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS xác định biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp và phân tích tác dụng  **B3. Báo cáo kết quả:** Gọi cá nhân hs trình bày – HS khác nhận xét bài của bạn; GV quan sát, hỗ trợ  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS, củng cố và chốt kiến thức cần nắm  **\* BT1a. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ***:*  *Buồn trông cửa bể chiều hôm,* *Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?* *Buồn trông ngọn nước mới sa,* *Hoa trôi man mác, biết là về đâu?* *Buồn trông nội cỏ rầu rầu,* *Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.* *Buồn trông gió cuốn mặt duềnh* *Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*  **\* BT1b.** **Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ:**  *Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,*  *Nghĩ mình mình lại thương mình xót xa*  *Khi sao phong gấm rủ là,*  *Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.*  *Mặt sao dày gió dạn sương,*  *Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?*  **\*BT1c.**  **Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ:**  *Đã cho lấy chữ hồng nhan*  *Làm cho cho hại cho tàn cho cân!*  *Đã đày vào kiếp phong trần,*  *Sao cho sỉ nhục một lần mứi thôi* | **BT 1a.** Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp trong đoạn thơ   * Cấu trúc được lặp lại trong các cụm từ “*Buồn trông*” và các dòng 6 tiếng * Tác dụng: Nhấn mạnh nỗi buồn triền miên, chồng chất trong tâm hồn nhân vật trữ tình và bao trùm cả đất trời, sông nước, ngoái về chiều nào của không gian cũng chỉ thấy mênh mông, hoang vắng, ảm đạm, u buồn…   **BT 1b.** Biện pháp tu từ lặp cấu trúc ở các cụm từ: *Khi/ Khi sao/ Giờ sao/ Thân sao*  **=>** Tác dụng:Nhấn mạnh sự tương phản giữa quá khứ êm đềm, hạnh phúc và hiện tại phũ phàng, nghiệt ngã ; đồng thời thể hiện cảm giác bàng hoàng, đau đớn, nhục nhã của Thúy Kiều khi rơi vào lầu xanh lần thứ 2  **BT 1c.** Phép lặp cấu trúc ở các cụm từ: *cho hại/ cho tàn/ cho cân* và lặp cấu trcs ở các câu 6 tiếng  **=>** Tác dụng:tạo nhịp điệu, giọng điệu day dứt, đay nghiến; thể hiện nỗi cay đắng, sự bất bình, phẫn uất trước số phận oan trái, chồng chất đau khổ, bất hạnh của Thúy Kiều và trước thân phận con người |

**3.2. NHẬN BIẾT VÀ PHÂN TÍCH TÁC DỤNG CỦA BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu trong SGK – BT 2 tr20, 21**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ *trích Truyện Kiều, bản in trong Đào Duy Anh, Từ điển Truyện Kiều, tr 637, 657, 689*  **B3. Báo cáo kết quả:** Gọi cá nhân hs trình bày – HS khác nhận xét bài của bạn; GV quan sát, hỗ trợ  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS, củng cố và chốt kiến thức cần nắm  **\*BT 2a**. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ:  *Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,*  *Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.*  *Người quốc sắc, kẻ thiên tài,*  *Tình trong như đã mặt ngoài còn e.*  *Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,*  *Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chỉn khôn.*  *Bóng tà như giục cơn buồn,*  *Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.*  *Dưới cầu nước chảy trong veo,*  *Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*  **\*BT 2b**. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ:  *Một mình nương ngọn đèn khuya,*  *Áo dầm giọt lệ tóc se mái sầu:*  *“Phận dầu dầu vậy cũng dầu,*  *Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời!*  *Công trình kể biết mấy mươi,*  *Vì ta khăng khít cho người dở dang.”*  **\*BT 2c**. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong các đoạn thơ:  *Người về chiếc bóng năm canh,*  *Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.*  *Vầng trăng ai xẻ làm đôi,*  *Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường!* | **\*BT 2a. HS xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong đoạn thơ**  - Đối trong một cụm từ hoặc một vế câu: *Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai; Người quốc sắc, kẻ thiên tài/ Tình trong như đã mặt ngoài còn e; Rốn ngồi chẳng tiện dứt về chỉn khôn; Khách đà lên ngựa người còn ghé theo*  - Đối trong một cặp câu: *Dưới dòng nước chay trong veo/ Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*  ***=>* Phân tích tác dụng:**  + Câu “*Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai”* ca ngợi vẻ đệp của cả hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân. Mỗi người một vẻ nhưng đều có một cốt cách thanh nhã, kiều diễm  **+** Các câu “ *Người quốc sắc kẻ thiên tài/ Tình trong như đã mặt ngoài còn e”*: nhấn mạnh sự tương xứng và miêu tả khoảnh khắc tình yêu chớm nở giữa Thúy Kiều và Kim Trọng  **+** Các câu: “*Rốn ngồi chẳng tiện dứt về chỉn khôn; Khách đà lên ngựa người còn ghé theo*”:diễn tả tâm trạng bối rối, lưu luyến khi phải chia tay  + Cặp câu: “ Dưới dòng nước chảy trong veo,/Bên cầu tơ liễu bóng chiều thiết tha” diễn tả vẻ đẹp hài hòa, hữu tình của cảnh sắc thiên nhiên như đồng cảm với tình yêu của cặp tài tử giai nhân TK – KT  **\*BT 2b. HS xác định và phân tích tác dụng biện pháp tu từ đối ở các câu:**  “ Áo dầm giọt lệ, tóc se mái sầu”  “ Vì ta khăng khít cho người dở dang”…  **=> Phân tích tác dụng:** Nhấn mạnh nỗi đau khổ, day dứt, mặc cảm, có lỗi của Thúy kiều khi nghĩ về Kim Trọng và mối tình dang dở  **\*BT 2c. HS xác định và phân tích tác dụng biện pháp tu từ đối trong cặp câu**:  “ *Người về chiếc bóng năm canh/ Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi*” => đối trong vế câu: “*Nửa in gối chiếc/ nửa soi dặm trường”*  **=> Phân tích tác dụng:** Nhấn mạnh sự tương đồng trong tâm trạng cô đơn, lưu luyến, nhớ nhung, khắc khoải của Thúc Sinh và Thúy Kiều khi phải xa cách, chia li |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng mở rộng kiến thức về các biện pháp tu từ cú pháp; Mối quan hệ giữa BPTT lặp cú pháp và đối

**b. Nội dung tìm hiểu: Vì sao trong câu đối, phép lặt cú pháp (phối hợp với phép đối) được sử dụng thường xuyên và phát huy được tác dụng thẩm mĩ? Hãy làm sáng tỏ điều đó qua những câu đối sau:**

*Thiếp từ thuở lá thắm xe duyên, khi vận tía, lúc cơn đen, điều dại điều khôn, nhờ bố đỏ,*

*Chàng ở dưới suối vàng nghĩ lại, vợ má hồng, con răng trắng, tím gan tím ruột với trời xanh.*

( Nguyễn Khuyến – *Khóc chồng* )

**c. Sản phẩm:** - Chia lớp thành 4 nhóm - Các nhóm thảo luận thống nhất đáp án.

**Gợi ý:**

- Trong câu đối, phép lặp cú pháp được sử dụng thường xuyên cùng với phép đối. Điều đó là do trong câu đối, không phải chỉ có sự đối chọi về từ, về tiếng mà còn có cả sự đối chọi về nhịp điệu, về kết cấu ngữ pháp giữa các vế: Các vế đối phải được tổ chức theo cùng một kiểu câu, có các thành phần ngữ pháp giống nhau

- Đôi câu đối của Nguyễn Khuyến không chỉ có sự đói chọi của các từ ngữ chỉ màu sắc, mà còn tương xứng về kết cấu ngữ pháp: C – trạng ngữ - hai bổ ngữ chỉ hoàn cảnh – hai đề ngữ - V

**d. Tổ chức thực hiện:** Làm bài tập vận dụng

**HS:** Hết thời gian 5 phút, học sinh trình bày sản phẩm trên bảng phụ.

**G**V nhận xét chốt kiến thức cần nắm, cho điểm, khen thưởng

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Chuẩn bị bài học tiếp theo

- Soạn bài theo yêu cầu của giáo viên.